

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 114 /2017-TH1-VP

V/v: CBTT BCTC kiểm toán năm 2016

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2017

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Công ty: Công ty CP Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam
2. Mã chứng khoán: TH1
3. Trụ sở chính: Số 46 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
4. Điện thoại: 04.38264009 Fax: 04.38259894
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Thị Bích Hương**
Địa chỉ: Phòng 1508 - Nhà No.2 - Chung cư 25 Lạc Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
6. Nội dung thông tin công bố: BCTC kiểm toán năm 2016 của trụ sở chính Công ty và BCTC kiểm toán năm 2016 tổng hợp của toàn Công ty. Công ty xin giải trình nguyên nhân chênh lệch số liệu trong kỳ báo cáo và vốn chủ sở hữu bị giảm như sau:

a) Về lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:

- LN sau thuế TNDN trong BCTC quý 4/2016 đã công bố: -142.730.283.601 đồng
- LN sau thuế TNDN tại BCTC kiểm toán năm 2016: -133.741.970.045 đồng
- Chênh lệch giữa hai báo cáo: 8.988.313.556 đồng
- Nguyên nhân có sự chênh lệch này là do BCTC quý 4/2016 đã công bố ghi nhận thiếu doanh thu tài chính khoản cổ tức được chia từ đầu tư góp vốn trong Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất hơn 9 tỷ đồng và một số khoản khác.
- Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế -133.741.970.045 đồng:
 - Trích lập dự phòng công nợ phải thu: 63,97 tỷ
 - Trích lập dự phòng chứng khoán kinh doanh: 31,3 tỷ
 - Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ (do Công ty vay nợ USD): 7 tỷ
 - Thanh lý hàng một số hàng tồn kho dưới giá vốn;
 - Công nợ cũ tồn đọng từ nhiều năm, chi phí lãi vay cao.

b) Về vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu trong BCTC kiểm toán năm 2015: 183.742.117.563 đồng
- Vốn chủ sở hữu trong BCTC kiểm toán năm 2016: 49.436.071.376 đồng
- Nguyên nhân vốn chủ sở hữu giảm: do ảnh hưởng của kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 lỗ 133.741.970.045 đồng nên vốn chủ sở hữu cũng bị giảm.

Thông tin này đã được công bố trên website của công ty: www.generalexim.com.vn vào ngày 07/04/2017.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Đăng Website Công ty;
- Lưu VP.

Người thực hiện công bố thông tin



**PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG
Nguyễn Thị Bích Hương**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN

XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-41
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-41



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/02/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/03/2016
Ông Hoàng Tuấn Khải	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Phương	Thành viên	Từ nhiệm ngày 17/11/2016
Ông Trần Văn Toàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/11/2016
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên	
Ông Phạm Minh Sơn	Thành viên	Từ nhiệm ngày 01/03/2016
Bà Phan Thu Anh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 01/03/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 23/01/2017
Ông Phạm Ngọc Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 13/12/2016
Bà Phan Thu Anh	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 01/03/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Chiến	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thế Sinh	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Anh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:


- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Số: 1273 /2017/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam được lập ngày 10 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại ngày 31/12/2016 Công ty có khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính là 134,3 tỷ đồng, doanh thu sụt giảm đáng kể, toàn bộ các khoản vay vốn của ngân hàng đã quá hạn thanh toán, dòng tiền kinh doanh âm,... Những vấn đề này cho thấy có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2016 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì các lý do đã được Công ty trình bày tại Thuyết minh số 1 trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Vấn đề này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bùi Thanh Cương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2066-2013-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		734.801.605.945	808.060.673.667
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.508.549.122	11.896.576.855
111	1. Tiền		3.508.549.122	11.790.109.691
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	106.467.164
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	122.746.475.800	154.047.061.093
121	1. Chứng khoán kinh doanh		175.358.609.834	175.358.609.834
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(52.612.134.034)	(21.311.548.741)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		574.210.756.633	592.170.027.886
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	76.890.359.055	78.708.363.800
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	290.737.154.407	286.516.338.784
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		350.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	361.977.970.450	318.681.155.623
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(155.744.727.279)	(91.735.830.321)
140	IV. Hàng tồn kho	9	22.086.487.969	41.062.157.334
141	1. Hàng tồn kho		22.086.487.969	41.062.157.334
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.249.336.421	8.884.850.499
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	390.805.680	343.401.878
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.718.400.741	7.703.387.382
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	140.130.000	838.061.239
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		195.056.755.600	169.900.597.250
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.500.000.000	8.500.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	8.500.000.000	8.500.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
220	II. Tài sản cố định		17.560.982.425	18.432.638.714
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	14.409.182.425	15.280.838.714
222	- Nguyên giá		32.620.861.503	31.932.085.703
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.211.679.078)	(16.651.246.989)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	3.151.800.000	3.151.800.000
228	- Nguyên giá		3.151.800.000	3.151.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư	13	133.569.946.419	57.480.857.417
231	- Nguyên giá		156.028.271.275	79.230.791.291
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(22.458.324.856)	(21.749.933.874)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		3.202.014.960	58.550.446.233
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	3.202.014.960	58.550.446.233
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	27.461.814.371	21.964.446.157
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		20.968.895.429	20.968.895.429
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.700.000.000	1.200.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(207.081.058)	(204.449.272)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.761.997.425	4.972.208.729
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	4.761.997.425	4.972.208.729
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		929.858.361.545	977.961.270.917

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		880.422.290.169	794.219.153.354
310	I. Nợ ngắn hạn		820.674.742.031	736.702.521.476
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	27.382.253.512	4.259.502.505
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	48.268.774.564	42.650.935.938
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	290.197.158	307.580.804
314	4. Phải trả người lao động		1.986.059.671	2.460.424.289
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		7.880.000	-
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	-	74.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	94.024.238.365	34.396.732.495
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	648.194.549.450	651.954.084.796
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		520.789.311	599.260.649
330	II. Nợ dài hạn		59.747.548.138	57.516.631.878
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18	10.598.937.732	7.340.429.752
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	10.632.610.406	564.202.126
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	38.516.000.000	49.612.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		49.436.071.376	183.742.117.563
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	49.436.071.376	183.742.117.563
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		135.392.670.000	135.392.670.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		135.392.670.000	135.392.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.147.588.054	17.147.588.054
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.262.420.104	7.262.420.104
415	4. Cổ phiếu quỹ		(981.900)	(981.900)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		23.940.421.305	158.549.656.217
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(134.306.046.187)	(134.609.234.912)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	613.446.569
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(134.306.046.187)	(135.222.681.481)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		929.858.361.545	977.961.270.917

Lê Thị Thu Hương

Người lập

Mai Thu Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hoài


Tổng Giám đốc


Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2017



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	307.487.110.419	1.055.450.717.928
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		307.487.110.419	1.055.450.717.928
11	4. Giá vốn hàng bán	24	287.838.406.080	1.014.912.982.033
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.648.704.339	40.537.735.895
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	69.401.213.343	46.330.361.686
22	7. Chi phí tài chính	26	128.151.268.444	110.528.461.982
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		89.305.652.714	68.960.239.417
25	8. Chi phí bán hàng	27	9.615.955.027	20.286.156.645
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	77.941.507.485	85.951.941.459
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(126.658.813.274)	(129.898.462.505)
31	11. Thu nhập khác	29	2.863.999.735	414.626.136
32	12. Chi phí khác	30	9.732.918.398	4.894.065.761
40	13. Lợi nhuận khác		(6.868.918.663)	(4.479.439.625)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(133.527.731.937)	(134.377.902.130)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	214.238.108	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(133.741.970.045)</u>	<u>(134.377.902.130)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	(9.920)	(9.987)


Lê Thị Thu Hương
Người lập


Mai Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		318.434.458.533	1.167.075.340.576
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(261.217.297.044)	(1.029.953.248.086)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(22.813.670.247)	(26.114.828.403)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(27.158.421.657)	(55.765.183.131)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(214.238.108)	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		16.789.259.725	96.823.044.949
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(27.940.901.020)	(78.655.842.814)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.120.809.818)	73.409.283.091
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.090.474.922)	(5.915.956.710)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		678.400.000	40.200.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(350.000.000)	-
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(5.500.000.000)	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.818.134.447	34.231.411.482
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		14.556.059.525	28.355.654.772
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		300.000.000	811.037.646.565
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(19.138.712.578)	(923.382.167.168)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(14.533.692)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(18.838.712.578)	(112.359.054.295)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(8.403.462.871)	(10.594.116.432)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		11.896.576.855	22.326.213.955
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		15.435.138	164.479.332
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		3.508.549.122	11.896.576.855


Lê Thị Thu Hương
Người lập

Mai Thu Hà
Kế toán trưởng

 Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/02/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 135.392.670.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 135.392.670.000 đồng; tương đương 13.539.267 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh Xuất nhập khẩu.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm: Kinh doanh tạp phẩm, thú hải sản, rượu bia, nước giải khát, kinh doanh bánh kẹo, các mặt hàng đường, sữa, sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê....;
- Kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản;
- Kinh doanh các sản phẩm dệt may;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh Nhà ở và văn phòng, cho thuê văn phòng, căn hộ, kho, bãi, nhà xưởng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2016, do khả năng thanh toán các khoản nợ vay đến hạn khó khăn do đó việc huy động về nguồn vốn để kinh doanh không thuận lợi và quy mô hoạt động của Công ty bị thu hẹp dẫn đến tình hình kinh doanh của Công ty giảm sút so với cùng kỳ năm ngoái;

Đối với các khoản phải thu, Công ty đã rất nỗ lực, quyết liệt trong công tác đôn đốc thu hồi nợ nhưng kết quả chưa đạt được như kỳ vọng, đến thời điểm 31/12/2016 vẫn còn nhiều khoản nợ khó đòi mà Công ty chưa thể thu hồi hoặc xử lý xóa nợ được. Vì vậy, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi tăng thêm 64 tỷ đồng.

Năm 2016 do khó khăn trong hoạt động kinh doanh, công tác thu hồi các khoản nợ phải thu không đạt được như kỳ vọng nên Công ty đã bị thiếu hụt nguồn tài chính để trả nợ ngân hàng theo đúng hạn...dẫn đến phát sinh một số khoản nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn dẫn đến chi phí tài chính năm 2016 tăng lên 20,3 tỷ đồng với năm trước. Bên cạnh đó, các khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh cũng bị sụt giảm giá thị trường mạnh nên Công ty phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán thêm 31,3 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Hải Phòng	Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng	Dịch vụ xuất nhập khẩu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Đà Nẵng	Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	Cho thuê bất động sản
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 4, TP Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xí nghiệp May xuất khẩu Hải Phòng	Quận Hải An, TP Hải Phòng	Gia công hàng may mặc
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xí nghiệp chế biến nông lâm sản hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu	H. Thường Tín Thành phố Hà Nội	Cho thuê kho bãi
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam	Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	Thương mại và dịch vụ xuất nhập khẩu

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	45 năm
--------------------------	--------

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2011 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) và Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa). Theo đó, TH1 cung cấp dịch vụ gia công quần áo và các sản phẩm may mặc khác dành riêng cho Kowa tại Đoạn Xá, Hải Phòng (bao gồm cả các yêu cầu của Đại lý, nhà phân phối, bán buôn, nhà thầu hay đối tác khác có liên quan thông qua đơn hàng của Kowa) và không được chấp nhận bất cứ đơn đặt hàng từ bất kỳ bên nào khác hay không được cung cấp dịch vụ cho bên khác hoặc thỏa thuận khác với bên thứ 3 sử dụng nhà máy, nhân lực và các tài sản liên quan đến Hợp đồng này. Hai bên cùng hợp tác điều hành hoạt động của Nhà máy trong việc cung cấp dịch vụ gia công may mặc và sản phẩm để đạt được hiệu quả vận hành tối đa của máy móc và nhân lực nhà máy đáp ứng các mục tiêu sản xuất. Lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh được phân bổ đều (50/50) cho các bên và được trả trong vòng 60 ngày sau kỳ kết thúc trước đó. TH1 phải đảm bảo rằng, toàn bộ nhà máy, máy móc thiết bị đều trong tình trạng hoạt động tốt và thuộc sở hữu của TH1, đồng thời phải duy trì tối thiểu 180 công nhân làm việc trong nhà máy. Bên TH1 là bên thực hiện kế toán.

Hợp đồng hợp tác đầu tư số 82/2014/HĐHT/TH1 - HFC giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - Việt Nam (gọi tắt là TH1) về việc hợp tác đầu tư ngắn hạn và Phụ lục hợp đồng số 03/2016/HĐHT/TH1-HFC ngày 01/11/2016 có hiệu lực đến ngày 31/03/2017 và đảm bảo nguyên tắc lãi suất không thấp hơn lãi suất huy động vốn của TH1 và tính theo thời gian sử dụng vốn của mỗi đợt hợp tác đầu tư. Bên thực hiện kế toán là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay và Chi phí đi vay

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	326.274.587	766.236.631
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.182.274.535	11.023.873.060
Các khoản tương đương tiền	-	106.467.164
	3.508.549.122	11.896.576.855



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngõ Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	175.358.609.834	122.746.475.800	(52.612.134.034)	175.358.609.834
- Cổ phiếu Công ty Xi măng Bút Sơn	348.600	205.800	(142.800)	348.600
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch	3.077.040.000	698.900.000	(2.378.140.000)	3.077.040.000
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall	9.300.372.093	6.217.370.000	(3.083.002.093)	9.300.372.093
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	162.980.849.141	115.830.000.000	(47.150.849.141)	162.980.849.141
	175.358.609.834	122.746.475.800	(52.612.134.034)	175.358.609.834
				154.047.061.093
				(21.311.548.741)

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2016.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	20.968.895.429	-	20.968.895.429	-
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	20.968.895.429	-	20.968.895.429	-
Đầu tư vào đơn vị khác	6.700.000.000	(207.081.058)	1.200.000.000	(204.449.272)
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	1.200.000.000	(207.081.058)	1.200.000.000	(204.449.272)
- Công ty Cổ phần SAM Nông nghiệp Công nghệ cao	5.500.000.000	-	-	-
	27.668.895.429	(207.081.058)	22.168.895.429	(204.449.272)
				154.047.061.093
				(21.311.548.741)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty có 01 Công ty liên kết là Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất có trụ sở tại Hà Nội. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết vào Công ty liên kết là 40 % với hoạt động kinh doanh chính là cho thuê văn phòng.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	23.932.288.353
- Công ty cổ phần Thép Việt Thanh	8.158.626.921	8.158.626.921
- Công ty Cổ phần Thực phẩm C . M . T	9.953.675.362	9.953.675.362
- Công ty cổ phần dầu khí và khoáng sản VITECH	8.695.780.880	8.735.780.880
- Các khoản phải thu khách hàng khác	26.149.987.539	27.927.992.284
	76.890.359.055	78.708.363.800

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH MTV SXTM Khanh Thụy U.S	3.407.264.821	3.407.264.821
Công ty TNHH Thương Mại Trúc Tâm	1.409.374.537	1.409.374.537
Công ty cổ phần Xanh Cà phê	1.329.734.476	1.329.734.476
Công ty TNHH Minh Lâm	4.359.664.601	4.359.664.601
Công ty TNHH Thanh Phát	29.787.510.769	29.787.510.769
Công ty TNHH Thanh Phát HQ	81.832.187.384	81.832.187.384
Doanh nghiệp tư nhân Phát Đạt	5.258.146.104	5.278.146.104
Doanh nghiệp tư nhân Trung Thành	54.585.659.678	54.585.659.678
Công ty TNHH Đại Phước Tài	2.027.949.002	2.027.949.002
NGP NEW GLOBAL PROPERTY GMBH	27.589.256.019	27.589.256.019
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Phước Tiếng	35.635.700.361	36.635.700.361
Doanh nghiệp tư nhân Thương Mại Tỉnh Nền	2.006.054.268	2.026.054.268
Trả trước cho người bán khác	41.508.652.387	36.247.836.764
	290.737.154.407	286.516.338.784

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	*Giá trị VND	Dự phòng VND
7 - PHẢI THU KHÁC				
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	9.988.800.000	-	8.980.000.000	-
- Phải thu về lãi tiền cho vay, đầu tư	55.456.865.596	-	14.444.237.818	-
- Phải thu người lao động	254.476.236	-	-	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	2.667.680	-	16.031.000	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	500.190	-	-	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	333.460	-	-	-
- Tạm ứng	3.182.679.072	-	2.419.746.501	-
- Ký cược, ký quỹ	644.230.394	-	89.811.149	-
- Phải thu Công ty TNHH Quang Trung	1.548.661.868	-	1.548.661.868	-
- Phải thu vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.846.000.000	-	6.766.751.269	-
- Phải thu vốn góp theo hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	282.000.000.000	-	282.000.000.000	-
- Phải thu Nguyễn Xuân Nam	5.000.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	1.052.755.954	-	2.415.916.018	-
	361.977.970.450	-	318.681.155.623	-
b) Dài hạn				
- Phải thu Bà Phạm Thị Thủy	100.000.000	-	100.000.000	-
- Phải thu Ông Đặng Hùng Long	8.400.000.000	-	8.400.000.000	-
	8.500.000.000	-	8.500.000.000	-

(*): Khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 82/2014/HĐHT/TH1 - HFC giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - Việt Nam (gọi tắt là TH1) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC) về việc hợp tác đầu tư ngắn hạn "có phiếu thuộc danh mục thoái vốn của Công ty SCIC" và Phụ lục hợp đồng số 03/2016/HĐHT/TH1-HFC ngày 01/11/2016 có hiệu lực đến ngày 31/03/2017, hợp tác đầu tư với điều kiện đảm bảo nguyên tắc lãi suất không thấp hơn lãi suất không thấp hơn lãi suất theo thời gian sử dụng vốn của mỗi đợt hợp tác đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

8 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	-	23.932.288.353	23.932.288.353
- Công ty Cổ phần Thực phẩm C . M . T (*)	9.953.675.362	9.953.675.362	9.953.675.362	9.953.675.362
- Doanh nghiệp Tư nhân Trung Thành	54.585.659.678	-	54.585.659.678	-
- Công ty TNHH MTV SXTM Khanh Thụy U.S	3.407.264.821	-	3.407.264.821	-
- Doanh Nghiệp tư nhân Phát Đạt	5.258.146.104	-	5.278.146.104	-
- Công ty Cổ phần Thép Việt Thanh	8.158.626.921	-	8.158.626.921	-
- Công ty TNHH Thanh Phát	29.787.510.769	-	-	-
- Công ty Cổ phần Khoáng Sản Mai Linh	6.010.353.102	-	-	-
- Các khoản khác (*)	25.780.758.713	1.175.881.182	23.757.638.624	3.451.505.827
	166.874.283.823	11.129.556.544	129.073.299.863	37.337.469.542

(*) Đối với khoản công nợ Công ty Cổ phần Thực phẩm C.M.T và một số khách hàng khác đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng nhưng Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khoản nợ này là vẫn có thể thu hồi được toàn bộ trong năm tiếp theo nên giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc.

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	331.790.405	-	114.065.629	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	1.325.000	-
Hàng hoá	21.754.697.564	-	40.946.766.705	-
	22.086.487.969	-	41.062.157.334	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công trình Kho Đoạn Xá tại Đoạn Xá, Hải Phòng	-	134.977.971
- Công trình khu Trưng Mai tại Hoàng Mai, Hà Nội	-	55.452.089.666
- Công trình Khu Lũy Bán Bích tại Quận Tân Phú, HCM	3.163.378.596	2.963.378.596
- Dự án Tiêu Đắc Nông	38.636.364	-
	3.202.014.960	58.550.446.233

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngõ Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

II . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	22.853.534.077	4.460.910.932	4.348.763.000	268.877.694	31.932.085.703					
- Mua trong năm	-	-	650.245.455	-	650.245.455					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	161.038.345	-	-	161.038.345					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(122.508.000)	-	(122.508.000)					
Số dư cuối năm	22.853.534.077	4.621.949.277	4.876.500.455	268.877.694	32.620.861.503					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	10.118.658.063	3.226.147.494	3.041.567.882	264.873.550	16.651.246.989					
- Khấu hao trong năm	994.940.716	402.293.176	281.702.053	4.004.144	1.682.940.089					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(122.508.000)	-	(122.508.000)					
Số dư cuối năm	11.113.598.779	3.628.440.670	3.200.761.935	268.877.694	18.211.679.078					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	12.734.876.014	1.234.763.438	1.307.195.118	4.004.144	15.280.838.714					
Tại ngày cuối năm	11.739.935.298	993.508.607	1.675.738.520	-	14.409.182.425					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.064.880.000 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.574.063.838 VND



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại 26B Lê Quốc Hưng, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 3.151.800.000 VND.

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa, vật kiến trúc tại Hà nội, Hải Phòng được sử dụng để cho thuê có tổng nguyên giá 156.028.271.275 VND (Trong năm Bất động sản tăng thêm là các sản thương mại còn lại của Tòa nhà tại 130 - Nguyễn Đức Cảnh - Hoàng Mai - Hà nội có nguyên giá là 76.797.479.984 đồng); giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2016 là 22.458.324.856 VND, trong đó khấu hao trong năm là 2.279.841.092 VND.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	390.805.680	343.401.878
	<u>390.805.680</u>	<u>343.401.878</u>
b) Dài hạn		
Quyền sử dụng đất có thời hạn	4.714.905.858	4.866.999.594
Chi phí trả trước dài hạn khác	47.091.567	105.209.135
	<u>4.761.997.425</u>	<u>4.972.208.729</u>

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ	VND	nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2-Vinaconex	26.420.648.778	26.420.648.778	1.944.539.170	1.944.539.170
Phải trả các đối tượng khác	961.604.734	961.604.734	2.314.963.335	2.314.963.335
	<u>27.382.253.512</u>	<u>27.382.253.512</u>	<u>4.259.502.505</u>	<u>4.259.502.505</u>

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Phố Wall	27.004.807.473	27.004.807.473
Công ty TNHH Tân Phương Đông	11.000.000.000	-
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Việt Á - Chi nhánh Hà Nội	9.000.000.000	-
Người mua trả tiền trước khác	1.263.967.091	15.646.128.465
	<u>48.268.774.564</u>	<u>42.650.935.938</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngõ Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	307.580.804	5.378.611.840	5.451.165.164	-	-	235.027.480	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	482.710.287	482.710.287	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	416.196.598	-	630.434.706	214.238.108	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	111.788.148	-	373.451.008	206.493.182	-	-	-	-	-	-	-	55.169.678
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	310.076.493	-	1.304.464.908	1.134.518.415	-	-	140.130.000	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	35.299.274	35.299.274	-	-	-	-	-	-	-	-
	838.061.239	307.580.804	8.210.972.023	7.530.424.430	140.130.000	140.130.000	290.197.158					

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước cho thuê kho bãi	-	74.000.000
	<u>-</u>	<u>74.000.000</u>
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	10.598.937.732	7.340.429.752
	<u>10.598.937.732</u>	<u>7.340.429.752</u>

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	388.592.054	321.956.654
- Bảo hiểm xã hội	6.015.643	51.676.068
- Bảo hiểm y tế	10.025.834	27.090.957
- Bảo hiểm thất nghiệp	15.343.039	30.991.177
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.960.000	3.960.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.210.823.455	1.210.823.455
- Phải trả lãi vay	75.714.463.474	13.567.232.417
- Phí bảo trì tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hoàng Mai, Hà Nội	2.878.523.635	2.979.820.000
- Phải trả Lợi nhuận từ hợp tác cho Kowa	2.058.063.898	1.493.987.756
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.738.427.333	14.709.194.011
	<u>94.024.238.365</u>	<u>34.396.732.495</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	632.610.406	564.202.126
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.000.000.000	-
	<u>10.632.610.406</u>	<u>564.202.126</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016				Trong năm				31/12/2016	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm		Số có khả năng trả nợ			
	Giá trị	VND	VND	VND	VND	VND	Giá trị	VND	VND	VND
a.1) Vay ngắn hạn										
<i>Vay ngắn hạn bằng VND</i>										
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - SGD (2)	642.502.084.796	642.502.084.796	7.658.145.739	17.403.681.085	632.756.549.450	632.756.549.450	632.756.549.450	632.756.549.450	632.756.549.450	632.756.549.450
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (4)	292.923.122.426	292.923.122.426	300.000.000	8.744.915.268	284.478.207.158	284.478.207.158	284.478.207.158	284.478.207.158	284.478.207.158	284.478.207.158
- Công ty Cổ phần Bất động sản - Tổng hợp I (5)	9.303.122.426	9.303.122.426	-	7.644.915.268	1.658.207.158	1.658.207.158	1.658.207.158	1.658.207.158	1.658.207.158	1.658.207.158
- Vay cá nhân	282.000.000.000	282.000.000.000	-	-	282.000.000.000	282.000.000.000	282.000.000.000	282.000.000.000	282.000.000.000	282.000.000.000
<i>Vay ngắn hạn bằng USD</i>	1.620.000.000	1.620.000.000	300.000.000	1.100.000.000	520.000.000	520.000.000	520.000.000	520.000.000	520.000.000	520.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - SGD (1)	349.578.962.370	349.578.962.370	7.358.145.739	8.658.765.817	348.278.342.292	348.278.342.292	348.278.342.292	348.278.342.292	348.278.342.292	348.278.342.292
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - SGD (2)	47.623.088.573	47.623.088.573	1.003.592.150	475.385.755	48.151.294.968	48.151.294.968	48.151.294.968	48.151.294.968	48.151.294.968	48.151.294.968
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hà Nội (3)	37.430.286.894	37.430.286.894	772.186.487	365.335.542	37.837.137.839	37.837.137.839	37.837.137.839	37.837.137.839	37.837.137.839	37.837.137.839
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (4)	129.973.014.405	129.973.014.405	2.825.500.250	1.326.258.143	131.472.256.512	131.472.256.512	131.472.256.512	131.472.256.512	131.472.256.512	131.472.256.512
- Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Hoàng Mai (6)	19.735.439.763	19.735.439.763	420.275.558	183.870.556	19.971.844.765	19.971.844.765	19.971.844.765	19.971.844.765	19.971.844.765	19.971.844.765
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (7)	49.001.487.685	49.001.487.685	994.251.346	4.076.290.035	45.919.448.996	45.919.448.996	45.919.448.996	45.919.448.996	45.919.448.996	45.919.448.996
a.2) Nợ dài hạn đến hạn trả	65.815.645.050	65.815.645.050	1.342.339.948	2.231.625.786	64.926.359.212	64.926.359.212	64.926.359.212	64.926.359.212	64.926.359.212	64.926.359.212
	9.452.000.000	9.452.000.000	11.096.000.000	5.110.000.000	15.438.000.000	15.438.000.000	15.438.000.000	15.438.000.000	15.438.000.000	15.438.000.000
	651.954.084.796	651.954.084.796	18.754.145.739	22.513.681.085	648.194.549.450	648.194.549.450	648.194.549.450	648.194.549.450	648.194.549.450	648.194.549.450
b) Vay dài hạn										
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - SGD (8)	59.064.000.000	59.064.000.000	6.754.000.000	11.864.000.000	53.954.000.000	53.954.000.000	53.954.000.000	53.954.000.000	53.954.000.000	53.954.000.000
	59.064.000.000	59.064.000.000	6.754.000.000	11.864.000.000	53.954.000.000	53.954.000.000	53.954.000.000	53.954.000.000	53.954.000.000	53.954.000.000
	(9.452.000.000)	(9.452.000.000)	(11.096.000.000)	(5.110.000.000)	(15.438.000.000)	(15.438.000.000)	(15.438.000.000)	(15.438.000.000)	(15.438.000.000)	(15.438.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	49.612.000.000	49.612.000.000			38.516.000.000	38.516.000.000	38.516.000.000	38.516.000.000	38.516.000.000	38.516.000.000
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng										

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Khoản vay với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/134855/HDTD ngày 04/10/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng tại thời điểm vay là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở LC phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn duy trì hạn mức từ 04/10/2014 đến 30/09/2015;
 - + Lãi suất cho vay: Được xác định tại Hợp đồng tín dụng cụ thể theo từng thời kỳ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:
 - Thế chấp tài sản gắn liền với đất tại phường Đông Hải, quận Hải An, TP.Hải Phòng;
 - Thế chấp xe ô tô Audi A6 (biển kiểm soát 29A-066.28) và xe ô tô Toyota Camry (biển kiểm soát 30H-5732);
 - Thế chấp quyền sở hữu khu dịch vụ thương mại và văn phòng cho thuê tại số 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hà Nội;
 - Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi VND và ngoại tệ tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác mà bên vay là người thụ hưởng và các khoản thu hợp pháp khác của bên vay, tất cả các tài sản thuộc và sẽ thuộc quyền quản lý hoặc sở hữu của bên vay như: hàng tồn kho, tài sản cố định, quyền sở hữu đất, vốn góp, tài sản khác khi có yêu cầu của ngân hàng;
 - Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay của Dự án Khu dịch vụ thương mại và văn phòng cho thuê tại số 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hà Nội. Giá trị hiện tại là 105.986.000.000 đồng;
 - + Số dư nợ gốc tại 31/12/2016 là 2.112.825,58 USD (tương đương 48.151.294.968 VND).
- (2) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng số KHTH1140256/HM ngày 19/12/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật;
 - + Thời hạn của hợp đồng: thời hạn là 12 tháng kể từ ngày 19/12/2014;
 - + Lãi suất cho vay: 9,5%/năm đối với khoản vay VND, 5%/năm đối với khoản vay USD;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp;
 - + Số dư nợ vay tại 31/12/2016 là: 1.658.207.158 VND và 1.660.616,1 USD (tương đương 37.837.137.839 VND).
- (3) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 2226.1/TB-HDTD ngày 23/07/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của Công ty;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực trong 12 tháng, kể từ ngày 23/07/2014 đến ngày 23/07/2015;
 - + Lãi suất cho vay: Được áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng doanh thu chuyển về từ các hợp đồng kinh tế mà Ngân hàng tài trợ vốn/phát hành LC xuất khẩu/bảo lãnh;
 - + Số dư nợ vay tại 31/12/2016 là: 5.766.327,04 USD (tương đương 131.472.256.512 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

- (4) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 500-19/14/VAB/HĐHMDN ngày 11/09/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng là 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cho vay chứng minh năng lực tài chính, mở L/C, bảo lãnh các loại, mục đích sử dụng tiền vay cụ thể được quy định rõ trong từng giấy nợ;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực trong 12 tháng, kể từ ngày 19/09/2014 đến ngày 19/09/2015;
 - + Lãi suất cho vay: Áp dụng theo lãi suất thông báo của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nợ cụ thể;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Lợi thế thương mại đối với quyền sử dụng 435,9 m² đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp bên thế chấp trên 435,9 m² đất thuê tại số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
 - + Số dư nợ vay tại 31/12/2016 là: 282.000.000.000 VND và 875.574,08 USD (tương đương 19.971.844.765 VND).
- (5) Khoản vay với Công ty Cổ phần Bất động sản - TH1 theo hợp đồng cho vay tiền số 01/HĐVT ngày 18/02/2014 và các phụ lục gia hạn thời hạn vay bổ sung, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền được vay: 5.600.000.000 đồng (Năm tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Khoản vay có thời hạn 02 tuần kể từ ngày 18/02/2014 và được gia hạn theo từng phụ lục bổ sung đến 01/2016;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay là 07%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp;
 - + Số dư nợ vay tại 31/12/2016 là: 520.000.000 VND.
- (6) Khoản vay với Ngân hàng NN&PT Nông Thôn - Chi nhánh Hoàng Mai theo hợp đồng tín dụng số 1240LAV201500065 ngày 25/02/15, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng hạn mức tín dụng được cấp là 140.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động đáp ứng kế hoạch kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 23/01/2016, thời hạn vay được quy định theo từng lần nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay theo quy định của Agribank và Agribank chi nhánh Hoàng Mai tại từng thời điểm và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp;
 - + Số dư nợ vay tại 31/12/2016 là: 2.013.127,97 USD (tương đương 45.919.448.996 VND).

31/12
CÔNG
TÁC NH
HÀNG
HOA

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

- (7) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số Số: 01/2015-HĐTĐHM/NHCT106 - GENERALEXIM ngày 05/09/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích kinh doanh xuất nhập khẩu;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng vay có hiệu lực từ ngày 15/9/2015 đến 31/8/2016, thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng;
 - + Lãi suất cho vay của từng khoản nợ là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh một tháng 1 lần, Lãi suất phạt nợ gốc là 150% lãi suất cho vay trong hạn;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm theo cam kết bảo lãnh/Hợp đồng đảm bảo mà bên vay hoặc tổ chức, cá nhân khác ký kết với bên cho vay hoặc các biện pháp đảm bảo khác (Hợp đồng đảm bảo) cụ thể:
 - Các hợp đồng bảo đảm được xác lập trước và cùng thời điểm ký kết hợp đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được đảm bảo gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này.
 - Các hợp đồng đảm bảo được xác lập sau thời điểm ký kết hợp đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được đảm bảo bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này.
 - + Số dư nợ vay tại 31/12/2016 là: 2.848.896,85 USD (tương đương 64.926.359.212 VND).

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (8) Khoản vay với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng số 01.134855.2009/HĐTĐH ngày 20/07/2009, Phụ lục hợp đồng tín dụng dài hạn số: 04.134855.2015 ngày 13/2/2015 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay: 130.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư cho dự án "Khu dịch vụ thương mại, văn phòng và nhà ở để bán" tại 130 Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội;
 - + Thời hạn cho vay: Kể từ 20/07/2009 đến hết ngày 25/12/2020;
 - + Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của Sở giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam + 3% năm nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được thế chấp toàn bộ khối tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của tòa nhà cao tầng tại 130 Nguyễn Đức Cảnh, quận Hoàng Mai, Hà Nội;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 53.954.000.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm 2017 là 15.438.000.000 đồng.

c) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
- Vay	647.374.549.450	75.714.463.474	565.721.734.020	13.196.205.517
	647.374.549.450	75.714.463.474	565.721.734.020	13.196.205.517

Lý do chưa thanh toán: Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm có những khó khăn nhất định, mặt khác việc thu hồi nợ của Công ty gặp khó khăn nên trong thời gian tạm thời Công ty chưa có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn đến hạn, Công ty đang xây dựng kế hoạch về nguồn tài chính để đảm bảo thanh toán các khoản nợ vay theo đúng hợp đồng đã được ký kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	125.948.570.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	158.549.656.217	4.387.611.861	313.294.864.336
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(134.377.902.130)	(134.377.902.130)
Cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu	6.295.396.000	-	-	-	-	-	6.295.396.000
Phân phối lợi nhuận	3.148.704.000	-	-	-	-	(3.774.165.292)	(625.461.292)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(844.779.351)	(844.779.351)
Số dư cuối năm trước	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	158.549.656.217	(134.609.234.912)	183.742.117.563
Số dư đầu năm nay	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	158.549.656.217	(134.609.234.912)	183.742.117.563
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(133.741.970.045)	(133.741.970.045)
Giảm khác (1)	-	-	-	-	(134.609.234.912)	134.609.234.912	-
Giảm khác (2)	-	-	-	-	-	(564.076.142)	(564.076.142)
Số dư cuối năm nay	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(134.306.046.187)	49.436.071.376

(1) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ/ĐHĐCĐ - 2016 ngày 08 tháng 04 năm 2016, Công ty công bố việc dùng Quỹ đầu tư phát triển để xử lý tài chính đối với khoản lỗ lũy kế đến 31/12/2015 với số tiền là 134.609.234.912 đồng.

(2): Khoản lợi nhuận phải trả Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2011. Theo đó, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) cung cấp dịch vụ gia công quần áo và các sản phẩm may mặc khác dành riêng cho Kowa. Hai bên hợp tác điều hành hoạt động của Nhà máy trong việc cung cấp dịch vụ gia công may mặc để đạt được hiệu quả vận hành tối đa của máy móc và nhân lực Nhà máy, đáp ứng các mục tiêu sản xuất. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên được phân bổ đều (50/50) giữa TH1 và Kowa và được chi trả trong vòng 60 ngày sau khi kết thúc kỳ kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam	0,00%	-	21,37%	28.935.270.000
Bà Lê Thị Lan	20,73%	28.065.210.000	20,73%	28.065.210.000
Ông Nguyễn Văn Huyền	19,91%	26.961.230.000	18,52%	25.080.230.000
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	15,88%	21.500.000.000	15,88%	21.500.000.000
Ông Hoàng Trí Cường	5,59%	7.570.000.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	37,89%	51.295.820.000	23,50%	31.811.550.000
Cổ phiếu quỹ	0,0003%	410.000	0,00%	410.000
	100%	135.392.670.000	100%	135.392.670.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.392.670.000	135.392.670.000
- Vốn góp đầu năm	135.392.670.000	125.948.570.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	9.444.100.000
- Vốn góp cuối năm	135.392.670.000	135.392.670.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.539.267	13.539.267
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.539.267	13.539.267
- Cổ phiếu phổ thông	13.539.267	13.539.267
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	41	41
- Cổ phiếu phổ thông	41	41
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.539.226	13.539.226
- Cổ phiếu phổ thông	13.539.226	13.539.226
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.940.421.305	158.549.656.217
	23.940.421.305	158.549.656.217

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	74.855	64.564
- Đồng Euro (EUR)	4.681	4.706
- Đồng yên nhật (JPY)	56.562	58.014

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	283.115.288.116	1.035.034.764.925
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.644.549.576	20.415.953.003
Doanh thu chuyển nhượng tài sản trên đất	2.727.272.727	-
	<u>307.487.110.419</u>	<u>1.055.450.717.928</u>

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	280.745.088.649	1.010.457.583.904
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.437.235.242	4.455.398.129
Giá trị còn lại của tài sản trên đất	1.656.082.189	-
	<u>287.838.406.080</u>	<u>1.014.912.982.033</u>

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	511.924.108	5.552.605.119
Lãi bán các khoản đầu tư	-	350.776.216
Lợi nhuận được chia	65.157.116.667	36.317.832.416
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	451.952.863	4.007.598.366
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.280.219.705	101.549.569
	<u>69.401.213.343</u>	<u>46.330.361.686</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	89.305.652.714	68.960.239.417
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	158.872.845	25.089.179.275
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	7.343.013.320	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	31.303.217.079	16.396.667.236
Chi phí tài chính khác	40.512.486	82.376.054
	<u>128.151.268.444</u>	<u>110.528.461.982</u>

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	10.650.344
Chi phí nhân công	3.970.607.049	4.900.081.638
Chi phí khấu hao tài sản cố định	951.609.004	997.938.321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.840.090.494	12.970.548.042
Chi phí khác bằng tiền	853.648.480	1.406.938.300
	<u>9.615.955.027</u>	<u>20.286.156.645</u>

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.234.359	51.050.861
Chi phí nhân công	7.432.720.980	6.797.337.826
Chi phí khấu hao tài sản cố định	227.989.442	219.348.400
Thuế, phí, lệ phí	806.102.182	204.785.239
Chi phí dự phòng	64.008.896.958	70.633.868.995
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.957.313.316	6.142.357.816
Chi phí khác bằng tiền	1.506.250.248	1.903.192.322
	<u>77.941.507.485</u>	<u>85.951.941.459</u>

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý kho, tài sản hợp tác	658.545.454	38.472.726
Thu nhập từ xử lý nợ phải trả	424.792.582	250.070.627
Thu nhập khác	1.780.661.699	126.082.783
	<u>2.863.999.735</u>	<u>414.626.136</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá trị còn lại từ nhượng bán, thanh lý kho, tài sản hợp tác	7.499.172.769	-
Các khoản bị phạt, bồi thường	820.684.458	3.409.223.350
Chi phí khấu hao không đủ điều kiện là chi phí hợp lý, hợp lệ	106.220.000	106.220.000
Chi phí khác	1.306.841.171	1.378.622.411
	9.732.918.398	4.894.065.761

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(134.598.922.475)	(134.377.902.130)
Các khoản điều chỉnh tăng	11.749.226.396	15.677.157.911
- Chi phí không hợp lệ	11.327.836.015	15.635.037.550
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	421.390.381	42.120.361
Các khoản điều chỉnh giảm	(160.652.560.121)	(32.854.317.392)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(9.080.000.000)	(11.200)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(17.498.510)	(421.390.381)
- Chuyển lỗ các năm trước	(151.555.061.611)	(32.432.915.811)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(283.502.256.200)	(151.555.061.611)
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	(416.196.598)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	-	(416.196.598)
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	1.071.190.538	-
Thu nhập tính thuế TNDN	1.071.190.538	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	214.238.108	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(214.238.108)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	214.238.108	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	(416.196.598)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(133.741.970.045)	(134.377.902.130)
Các khoản điều chỉnh	(564.076.142)	(844.779.351)
- Lợi nhuận phải trả cho Công ty TNHH Kowa	(564.076.142)	(844.779.351)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(134.306.046.187)	(135.222.681.481)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	13.539.226	13.539.226
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(9.920)</u>	<u>(9.987)</u>

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.100.899.445	223.217.564
Chi phí nhân công	26.609.664.831	22.109.071.640
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.867.440.968	3.842.751.458
Chi phí dự phòng	64.008.896.958	70.633.868.995
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.697.271.905	28.277.968.861
Chi phí khác bằng tiền	5.658.029.364	10.703.551.422
	<u>114.942.203.471</u>	<u>135.790.429.940</u>

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.508.549.122	-	11.896.576.855	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	447.368.329.505	(45.937.881.668)	405.889.519.423	(22.874.862.186)
Các khoản cho vay	350.000.000	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	175.358.609.834	(52.612.134.034)	175.358.609.834	(21.311.548.741)
Đầu tư dài hạn	6.700.000.000	(207.081.058)	1.200.000.000	(204.449.272)
	633.285.488.461	(98.757.096.760)	594.344.706.112	(44.390.860.199)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			686.710.549.450	701.566.084.796
Phải trả người bán, phải trả khác			132.039.102.283	39.220.437.126
Chi phí phải trả			7.880.000	-
			818.757.531.733	740.786.521.922

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.508.549.122	-	-	3.508.549.122
Phải thu khách hàng, phải thu khác	392.930.447.837	8.500.000.000	-	401.430.447.837
Các khoản cho vay	350.000.000	-	-	350.000.000
Đầu tư ngắn hạn	122.746.475.800	-	-	122.746.475.800
Đầu tư dài hạn	-	6.492.918.942	-	6.492.918.942
	519.535.472.759	14.992.918.942	-	534.528.391.701
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.896.576.855	-	-	11.896.576.855
Phải thu khách hàng, phải thu khác	374.514.657.237	8.500.000.000	-	383.014.657.237
Đầu tư ngắn hạn	154.047.061.093	-	-	154.047.061.093
Đầu tư dài hạn	-	995.550.728	-	995.550.728
	540.458.295.185	9.495.550.728	-	549.953.845.913

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	648.194.549.450	38.516.000.000	-	686.710.549.450
Phải trả người bán, phải trả khác	121.406.491.877	10.632.610.406	-	132.039.102.283
Chi phí phải trả	7.880.000	-	-	7.880.000
	<u><u>769.608.921.327</u></u>	<u><u>49.148.610.406</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>818.757.531.733</u></u>
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	651.954.084.796	49.612.000.000	-	701.566.084.796
Phải trả người bán, phải trả khác	38.656.235.000	564.202.126	-	39.220.437.126
	<u><u>690.610.319.796</u></u>	<u><u>50.176.202.126</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>740.786.521.922</u></u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là cao, tuy nhiên Công ty sẽ cố gắng thu xếp để thanh toán các khoản nợ phải trả.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.486.343.662	1.649.068.150

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Lê Thị Thu Hương
Người lập

Mai Thu Hà
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2017